

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 08 - 9 - 2020

V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh-Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2020/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 70/2020/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2020/QĐ - PT ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước T, xã Quới T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh G, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Anh Phạm Thanh G – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, thành phố C năm 2017. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung thường hay cự cãi, không có

tiếng nói chung. Anh, chị không còn chung sống từ năm 2018 đến nay. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 21/9/2017 và Phạm Thị Thanh L, sinh ngày 13/10/2018. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh G cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/người con.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị N thay đổi không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Thanh G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh G đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không đúng như chị N trình bày, anh xác định mâu thuẫn vợ, chồng từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay và hiện tại cũng không còn sống chung từ tháng 4/2020 cho đến nay. Anh G muốn hàn gắn lại tình cảm với chị N, nhưng chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 21/9/2017 và Phạm Thị Thanh L, sinh ngày 13/10/2018. Khi ly hôn, anh G đồng ý giao cháu Phạm Thị Thanh L, sinh ngày 13/10/2018 cho chị N nuôi. Không đồng ý giao cháu K cho chị N nuôi mà anh G yêu cầu nuôi cháu K nếu được chấp nhận, thì anh G cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 70/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

- Áp dụng các Điều 27, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoàng N về việc xin ly hôn với anh Phạm Thanh G.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 21/9/2017 và Phạm Thị Thanh L, sinh ngày 13/10/2018 cho chị N nuôi con.

Anh G không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/6/2020 anh Phạm Thanh G có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, anh yêu cầu được nuôi cháu Phạm Đăng K.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Hoàng N là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Phạm Thanh G là bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau những vấn đề giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh G, giữ nguyên bản án sơ thẩm về quyền nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ, lời trình bày của hai đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Anh G chỉ yêu cầu được nuôi cháu Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 21/9/2017; về phần hôn nhân, tài sản chung và nợ chung không có kháng cáo. Vì vậy về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung bản án sơ thẩm số: 70/2020/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Thanh G đối với việc yêu cầu nuôi con, anh G cho là chị N ngăn cản việc thăm nom con chung, không có điều kiện nuôi con, anh yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án, giao cháu Phạm Đăng K cho anh được nuôi.

Theo khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Cấp sơ thẩm xét xử giao 02 người con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 21/9/2017 và Phạm Thị Thanh L, sinh ngày 13/10/2018 cho chị N nuôi.

Cả hai cháu đều dưới 36 tháng tuổi, về nguyên tắc của pháp luật quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi con, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom. Điều luật đã quy định rõ trừ trường hợp hoặc cha mẹ có thỏa thuận.

Anh G thừa nhận từ nhỏ cháu K sống cùng với mẹ là chị N tại Vĩnh Long, tuy nhiên do anh G tự ý chở cháu K từ Vĩnh Long về Cà Mau khoảng tháng 02 năm 2020 mục đích để hàn gắn tình cảm với chị N, không có sự đồng ý của chị N, việc làm này ảnh hưởng đến tâm lý tình cảm của cháu K.

Tại phiên tòa anh G trình bày anh có điều kiện tốt hơn, hơn nữa có công việc ổn định, tuy nhiên khi anh đi làm đôi lúc phải gửi cháu cho ông, bà nội chăm sóc, ông, bà nội vẫn chăm sóc tốt cho cháu. Hiện cháu K vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi.

[3] Xét về điều kiện vật chất, điều kiện tinh thần, vui chơi giải trí của cháu thì chị N, anh G vẫn có đủ điều kiện nuôi con, các cháu vẫn được sinh hoạt, vui chơi, phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Chị N, anh G có thu nhập thực tế, công việc, có chỗ ở ổn định về tài chính đầy đủ được chứng minh bằng lương, về thời gian chăm sóc dạy dỗ, giáo dục điều kiện vui chơi, nhân cách đạo đức, lối sống của mỗi bên là có điều kiện.

[4] Xét thấy việc anh G đang nuôi cháu K là do anh G đến Vĩnh Long tự tiện đưa cháu K về Cà Mau sống, không được sự đồng ý của chị N, trong khi cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, ở độ tuổi không thể nhận thức được về cuộc sống, tình cảm tâm lý của cháu chỉ thể hiện việc vui, buồn bất chợt thoáng qua, cháu vẫn hồn nhiên, độ tuổi không thể tự phản ứng được tâm tư nguyện vọng, như những đứa trẻ trên 7 tuổi. Hành động của anh G cũng không thể chấp nhận được vì cháu K vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc, gần gũi tình cảm của người mẹ, trong khi đó cháu còn có em là cháu L cũng dưới 36 tháng tuổi.

Hơn nữa cháu K và cháu L là anh em ruột, tình cảm đã gắn bó từ trước đến nay. Tuy anh G đưa cháu về chung sống với anh G từ tháng 02/2020 đến nay nhưng do cháu còn nhỏ không thể phản ứng nên để tránh việc xáo trộn về mặt tâm lý chia cắt tình cảm anh em của các cháu và hiện cháu L cũng do chị N nuôi, do cháu K thích nghi với môi trường sống cùng với chị N vì vậy không nên tách riêng các cháu làm ảnh hưởng xáo trộn cuộc sống tình cảm của các cháu, nên tiếp tục giao các cháu cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp sơ thẩm giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

Đồng thời điều luật cũng đã quy định rõ “... trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện nuôi hoặc cha mẹ có thỏa thuận...”. Như vậy chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi và anh, chị cũng không thỏa thuận khác.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh G về yêu cầu quyền nuôi con. Buộc anh G phải giao cháu Phạm Đăng K cho chị Nguyễn Thị Hoàng N nuôi dưỡng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa không chấp nhận việc kháng cáo của anh G là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

Do đó giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 70/2020/HNGĐ - ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, về quyền yêu cầu nuôi con.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Thanh G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 70/2020/HNGĐ - ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Áp dụng các Điều 27, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoàng N về việc xin ly hôn với anh Phạm Thanh G.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 21/9/2017 và Phạm Thị Thanh L, sinh ngày 13/10/2018 cho chị N nuôi con.

(Hiện anh G đang nuôi cháu K buộc anh G giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng).

Anh G không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị N phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 07/4/2020 chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001614 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng, anh G phải chịu. Ngày 29/6/2020 anh G đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002065 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu, sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã Hòa T, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Hùng Quang

